

Bản án số: 209/2021/HS - ST

Ngày: 25- 5- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Ông Hà Trọng Lam - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 235/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226A/2021/QĐXXST - HS ngày 11/5/2021 đối với bị cáo:

Đỗ Tiến V - sinh năm 1982 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Ngọc L và bà Phạm Thị Đ; có vợ là: Phạm Thị Y (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án: ngày 05/8/2019 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; tiền sự: chưa; bị bắt tại giam ngày 16/7/2020 “có mặt”.

Bị hại: Công ty TNHH đầu tư phát triển K.

Địa chỉ: đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật : Anh Đỗ Văn T - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đỗ Văn S - PGĐ Công ty “vắng mặt”

Địa chỉ: phố L, phường T, thành phố T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Hùng S - SN 1972 “vắng mặt”

Trú tại: thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần phương tiện đi lại nên vào ngày 10/7/2019 Đỗ Tiến V đến Công ty TNHH đầu tư và phát triển K ở Đ, phường Đ, thành phố T gặp anh Đỗ Văn S là phó giám đốc Công ty thỏa thuận và làm hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Inova, màu bạc, BKS: 36A -104.41, thời hạn thuê xe từ ngày 10/7/2019 đến ngày 10/02/2020, giá thuê xe là: 16.000.000 đồng/01 tháng. Sau khi thuê chiếc xe ô tô nói trên khoảng gần 01 tháng thì Đỗ Tiến V thông qua mạng xã hội “Facebook” liên hệ với một người đàn ông không xác định được địa chỉ, nhân thân, lai lịch để làm giả 01 Đăng ký xe ô tô mang tên mình. Đến ngày 15/8/2019, V mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Inova, BKS: 36A-104.41, kèm theo Đăng ký xe ô tô giả mang tên mình đến nhà anh Phạm Hùng S nói dối với anh Phạm Hùng S là xe của mình rồi cầm cố lấy số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn cầm cố xe từ ngày 15/8/2019 đến ngày 30/8/2019, số tiền cầm cố chiếc xe V chi tiêu cá nhân hết. Đến hạn, V không có tiền trả cho anh Phạm Hùng S để chuộc lại xe ô tô và lẩn trốn. Khi hết thời hạn hợp đồng thuê xe, anh Đỗ Văn S gọi điện thoại cho V yêu cầu trả xe nhưng V không nghe máy và cũng không trả lại xe cho anh Đỗ Văn S nên anh Đỗ Văn S đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của Đỗ Tiến V.

Quá trình xác minh, ngày 05/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã thu hồi chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Inova, màu bạc, BKS: 36A-104.41 tại nhà ông Lê Huy Q (bố vợ anh Phạm Hùng S) ở xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ngoài ra anh Phạm Hùng S cũng giao nộp 01 đăng ký xe ô tô số: 000792, tên chủ xe là Đỗ Tiến V và đăng kiểm của xe.

Ngày 11/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã định giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Inova, BKS: 36A -104.41 là: 416.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô trên cho anh Đỗ Văn S, anh S không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Ngày 20/6/2020, Đỗ Tiến V đã trả lại cho anh Phạm Hùng S 70.000.000 đồng, anh Phạm Hùng S yêu cầu V phải trả tiếp số tiền còn lại 180.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 1797/PC09 ngày 03/7/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 000792, tên chủ xe Đỗ Tiến V; số khung: 42G5B9411378; số máy: 1TR7811084 là giả

Tại Kết luận giám định số: 1798/PC09 ngày 03/7/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

1. Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định (kí hiệu A1) so với chữ viết đứng tên Đỗ Văn S trên các mẫu so sánh (kí hiệu M5, M6) không phải do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết họ tên “Đỗ Tiến V” dưới các mục “Đại diện bên B”, “Người có đồ cầm cố” trên các mẫu cần giám định (kí hiệu A1, A2) so với chữ viết đứng tên Đỗ Tiến V trên các mẫu so sánh (kí hiệu M1, M2, M3, M4) do cùng một người viết ra.

Chữ ký dưới các mục “Đại diện bên B”, “Người có đồ cầm cố” trên các mẫu cần giám định (kí hiệu A1, A2) so với chữ viết đứng tên Đỗ Tiến V trên các mẫu so sánh (kí hiệu M1, M2, M3, M4): Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa cung cấp mẫu chữ ký của Đỗ Tiến V để giám định kết luận.

3. Chữ viết phần nội dung mặt trước trên mẫu cần giám định (kí hiệu A2) so với chữ viết đứng tên Phạm Hùng S trên mẫu so sánh (kí hiệu M7) không phải do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 362A/CT-VKS ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Đỗ Tiến V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 BLHS và tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 3 Điều 175; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55, 56 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” từ 08 năm đến 09 năm tù và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” từ 15 đến 18 tháng tù, tổng hợp hai tội là đến 09 năm 03 tháng đến 10 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với bản án phúc thẩm số 179/2019/HSPT ngày 05/8/2019 của Tòa án tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 bản án. Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh Phạm Hùng S số tiền 180.000.000đ.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Do cần phương tiện đi lại vào ngày 10/7/2019 Đỗ Tiến V đã đến Công ty TNHH đầu tư và phát triển K gặp anh Đỗ Văn S là phó giám đốc Công ty để làm hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Inova, BKS: 36A - 104.41. Sau khi thuê xe, do cần tiền ăn tiêu cá nhân nên V đã mua 01 đăng ký xe ô tô giả mang tên V. Đến ngày 15/8/2019 V đem chiếc xe ô tô nói trên đến nhà anh Phạm Hùng S nói dối là xe của mình cầm cố lấy số tiền 250.000.000đ. Do bị cáo chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Inova của Công ty TNHH đầu tư và phát triển K có giá trị 416.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 BLHS và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Đỗ Tiến V có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 BLHS và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 BLHS.

[3] Tính chất vụ án:

Đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Sau khi thuê được tài sản của bị hại, bị cáo đã không trả lại tài sản theo hợp đồng cho chủ sở hữu mà chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung cần xử lý nghiêm minh.

Đối với tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Bị cáo là người có học thức và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính cần xử lý nghiêm.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã được các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng không chịu cải sửa mà còn phạm tội chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật.

Với nhân thân, tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do bị cáo đã có một tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật thành khẩn

khai báo, đã bồi thường được một phần thiệt hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đầu thú.

Khi xét xử lần này do bị cáo phạm 02 tội nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 179/2019/HSPT ngày 05/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH đầu tư và phát triển K đã nhận lại chiếc xe ô tô và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên công nhận phần dân sự giữ bị cáo và bị hại đã được giải quyết xong.

Anh Phạm Hùng S yêu cầu bị cáo phải trả tiếp số tiền cầm cố xe còn lại cho anh là 180.000.000đ. Xét yêu cầu của anh Phạm Hùng S là có cơ sở nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho anh S. Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS. Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 175; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 48 BLHS. Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 584; Điều 589 BLDS. Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Tiến V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Đỗ Tiến V 09 (chín) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 năm 03 tháng (mười năm ba tháng) tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của bản án số 179/2019/HSPT ngày 05/8/2019 của TAND tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 11 năm 09 tháng (mười một năm chín tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2020 nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước của bản án 179/2019/HSPT ngày 05/8/2019 của TAND tỉnh Thanh Hóa từ ngày 25/7/2018 đến ngày 11/9/2018.

- Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và bị hại Công ty TNHH đầu tư và phát triển K đã được giải quyết xong.

Buộc bị cáo phải trả cho anh Phạm Hùng S số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng)

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 9.000.000đ (chín triệu đồng) án phí DSST.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Người tham gia TT;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Thủy